

## Before You Begin

### Packing List

| Item | Name              | Quantity | Unit  | Remark |
|------|-------------------|----------|-------|--------|
| 1    | RG-ES118S-LP Host | 1        | Set   |        |
| 2    | Mounting bracket  | 2        | Piece |        |
| 3    | Foot pad          | 4        | Piece |        |
| 4    | Screw             | 8        | Piece |        |
| 5    | Power cord        | 1        | Piece |        |
| 6    | Quick Start Guide | 1        | Copy  |        |
| 7    | Warranty card     | 1        | Copy  |        |

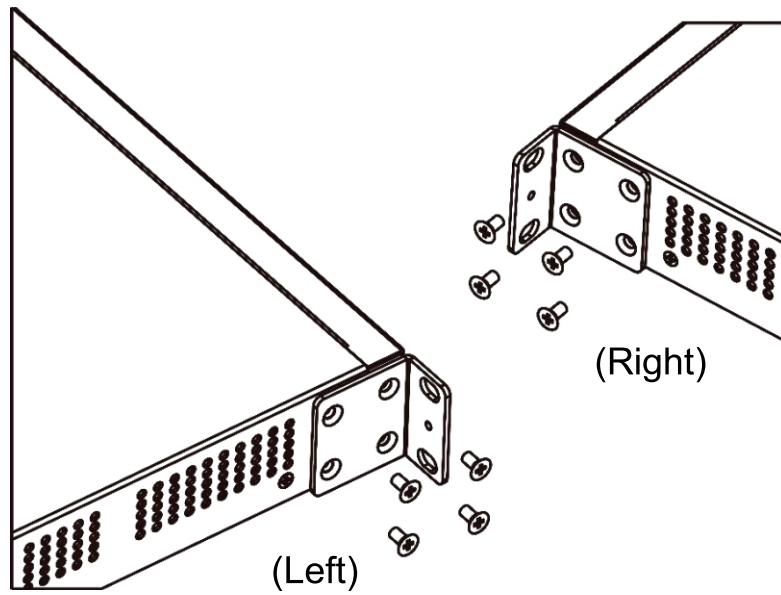
You can retrieve product supporting documents at <https://www.ruijienetworks.com>. Click Support > Technical Documents, and download the documents you need.

## Installation and Networking

The RG-ES118S-LP switch meets the EIA standards and can be installed in 19-inch rack.

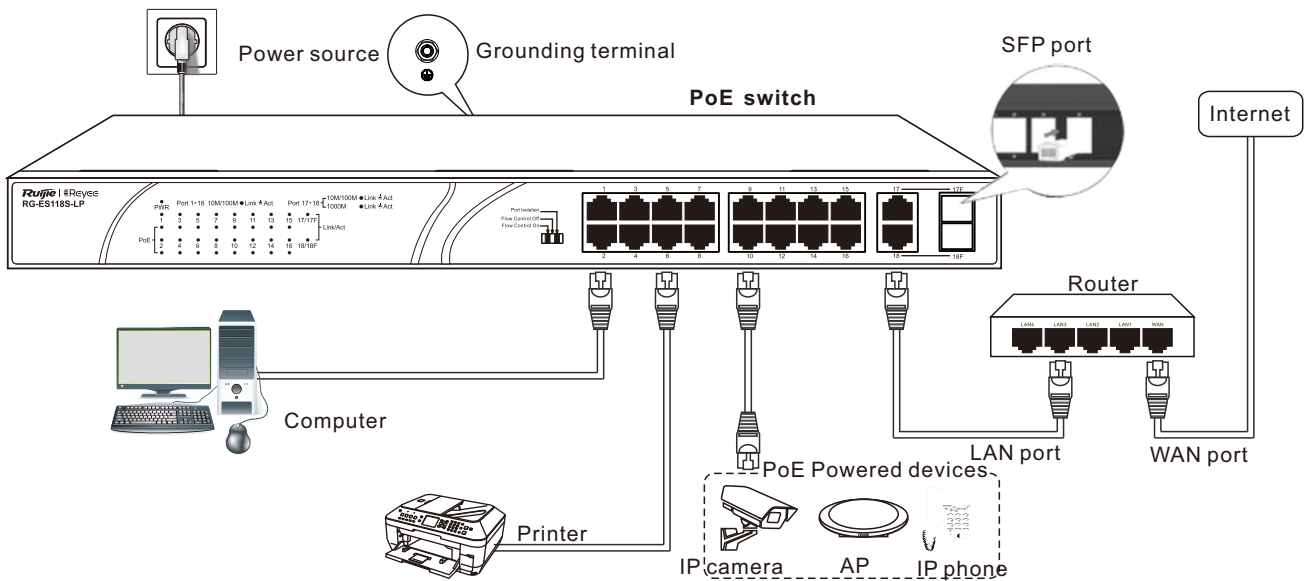
### The steps of installation are as follows:

- ① Take out two L-shape mounting brackets and eight screws.
- ② Attach the mounting brackets to both sides of the switch closely and fix it with four screws.



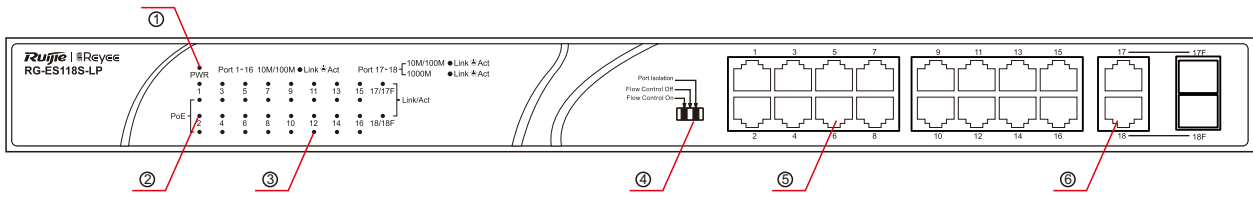
## Networking

Refer to the scenario for networking based on your actual situation.



Check whether the device connection is correct and the switch is operational.

# Port Information



|       |                                 |   |
|-------|---------------------------------|---|
| Note: | 1. System status LED            | 5. 10/100Base-TX auto-sensing Ethernet port |
|       | 2. Port status LED              | 6. 10/100/1000Base-T combo port             |
|       | 3. PoE status LED               |   |
|       | 4. Port Mode switch-over button |   |

# Specifications

| Specification           |             | RG-ES118S-LP  |
|-------------------------|-------------|---|
| Standard                |             | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                    |
| Interface               |             | 16*10/100 Mbps PoE/PoE+ ports<br>2*10/100/1000 Mbps combo ports                                 |
| Switching Capacity      |             | 7.2Gbps   |
| Power Consumption       |             | The overall maximum output power of PoE is 120 W.<br>The overall maximum output power is 148 W. |
| Port Mode               |             | “Flow Control On”, “Flow Control Off” and “Port Isolation” from left to right                   |
| Dimensions (W x D x H)) |             | 440mm x 208mm x 44mm  |
| Operating Environment   | Temperature | 0 °C to 45 °C   |
|                         | Humidity    | 10% to 90% RH(non-condensing)   |
| Storage                 | Temperature | -40 °C to 70 °C   |

|             |          |                              |
|-------------|----------|------------------------------|
| Environment | Humidity | 5% to 95% RH(non-condensing) |
|-------------|----------|------------------------------|

**CE Warning:**

Operation of this equipment in a residential environment could cause radio interference.



# 安裝指南

## 包裝配件清單

| 項目 | 名稱     | 數量 | 單位 | 備註 |
|----|--------|----|----|----|
| 1  | 主機     | 1  | 台  |    |
| 2  | 固定架    | 2  | 個  |    |
| 3  | 腳墊     | 4  | 個  |    |
| 4  | 螺絲釘    | 8  | 粒  |    |
| 5  | 電源線    | 1  | 條  |    |
| 6  | 產品使用手冊 | 1  | 本  |    |
| 7  | 保養手冊   | 1  | 本  |    |

如要下載配件資料請登上銳捷網絡官方網站

<https://www.ruijienetworks.com>，選取對應的產品類別並揀選有關產品，即可下載包裝配件的產品資料。

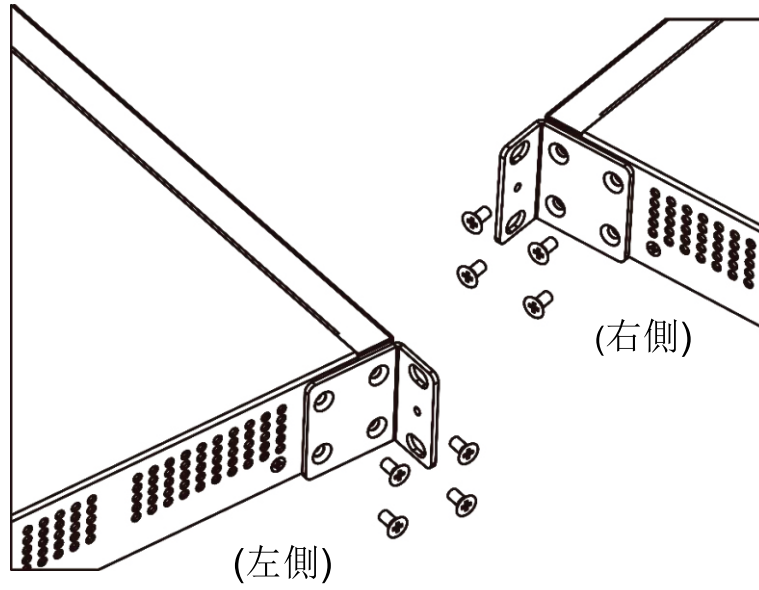
## 安裝及注意事項

### 安裝說明

RG-ES118S-LP 交換器符合 EIA 標準尺寸，可以安裝在 19 英吋的配線櫃中，安裝過程如下：

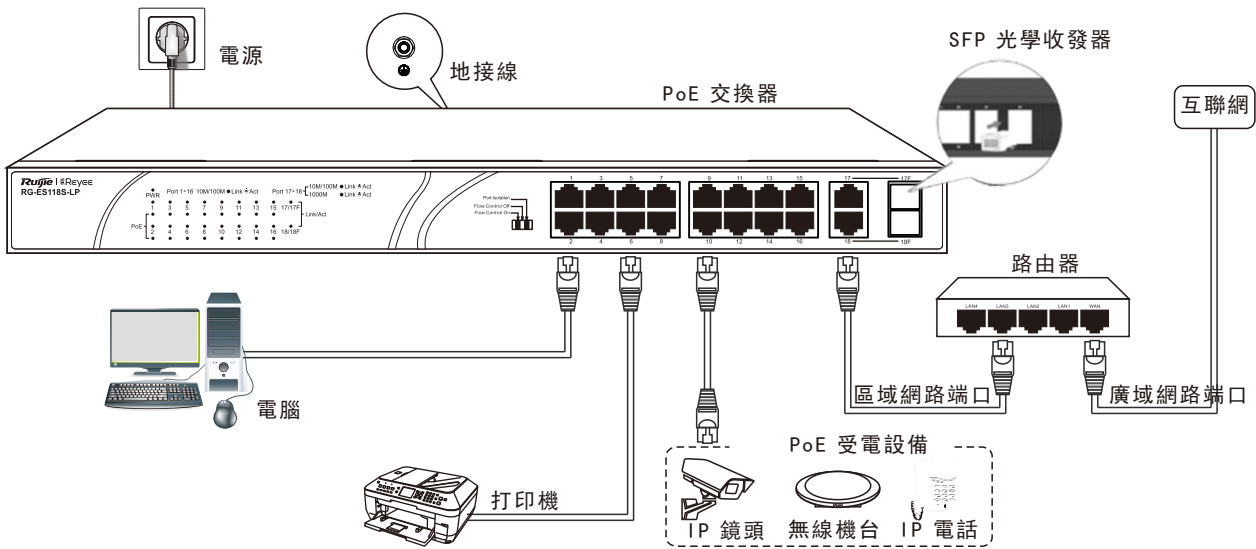
步驟 1 從塑膠袋取出兩個 L 型固定架以及 8 粒安裝用的螺絲釘

步驟 2 將固定架緊貼在交換機側壁，並用 4 粒螺絲釘將其固定，兩側安裝方法相同



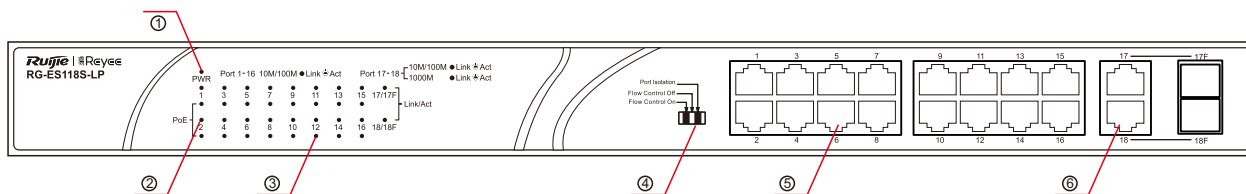
## 網絡設定

根據您的組網需要，可參照下圖的常見場景連接裝置。



成功連接後，交換器不需進行任何設定。

# 插槽資料



|            |   |  |
|------------|---|--|
| <p>注釋:</p> | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. 交換器系統狀態指示燈</li> <li>2. 連接埠狀態指示燈</li> <li>3. PoE 狀態指示燈</li> <li>4. 端口模式轉換按鈕</li> </ol> | <ol style="list-style-type: none"> <li>5. 10/100 Base-TX 自適應乙太網連接埠</li> <li>6. 10/100/1000 Base-T 光電復用連接埠</li> </ol> |
|------------|---|--|

# 產品規格

| 型號               |      | RG-ES118S-LP   |
|------------------|------|--|
| 連接埠標準            |      | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at |
| 連接埠              |      | 16*10/100Mbps PoE/PoE+插槽<br>2*10/100/1000 Mbps 光電復用插槽                        |
| 交換帶寬             |      | 7.2Gbps  |
| 功率               |      | PoE 最大功率 ≤ 120 W<br>裝置最大功率 ≤ 148 W   |
| 外形尺寸 (寬 x 深 x 高) |      | 440mmx208mmx44mm   |
| 端口模式             |      | 轉換狀態左至右; 流控開, 流控關, 端口隔離  |
| 工作環境             | 工作溫度 | 0 °C - 45 °C   |
|                  | 工作濕度 | 10% 至 90% RH   |

|      |      |                |
|------|------|----------------|
| 存儲環境 | 存儲溫度 | -40 °C - 70 °C |
|      | 存儲濕度 | 5% 至 95% RH    |

**CE 警告：**

在住宅環境中使用本設備可能會造成無線電干擾。

## Trước khi bắt đầu

### Danh sách thiết bị và phụ kiện

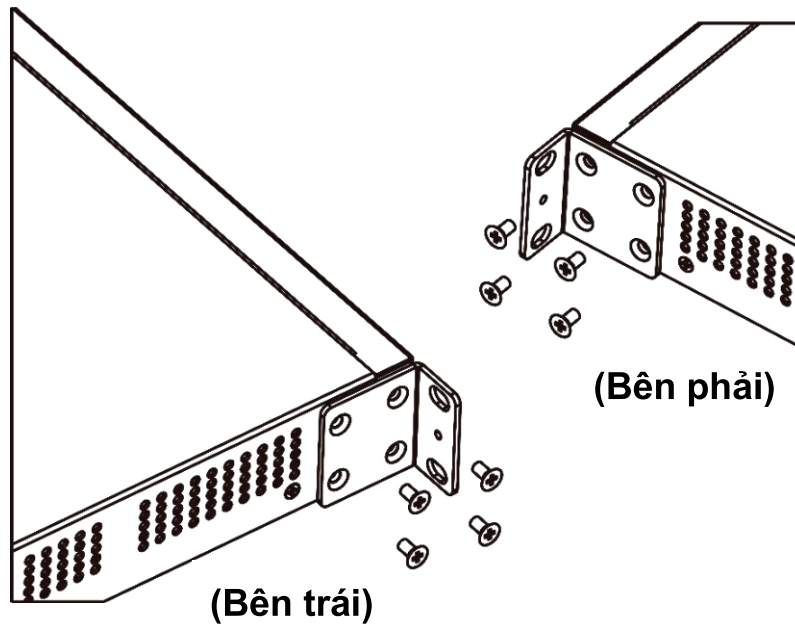
| Mục | Tên                     | Số lượng | Đơn vị | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----------|--------|---------|
| 1   | RG-ES118S-LP            | 1        | Bộ     |         |
| 2   | Giá lắp                 | 2        | Chiếc  |         |
| 3   | Đế chân                 | 4        | Chiếc  |         |
| 4   | Vít                     | 8        | Chiếc  |         |
| 5   | Dây nguồn               | 1        | Chiếc  |         |
| 6   | Hướng dẫn bắt đầu nhanh | 1        | Bản    |         |
| 7   | Thẻ bảo hành            | 1        | Bản    |         |

Bạn có thể truy xuất tài liệu hỗ trợ sản phẩm tại <https://www.ruijienetworks.com>. Nhấp vào Support > Technical Documents, và tải xuống tài liệu cần thiết.

## Lắp đặt và nối mạng

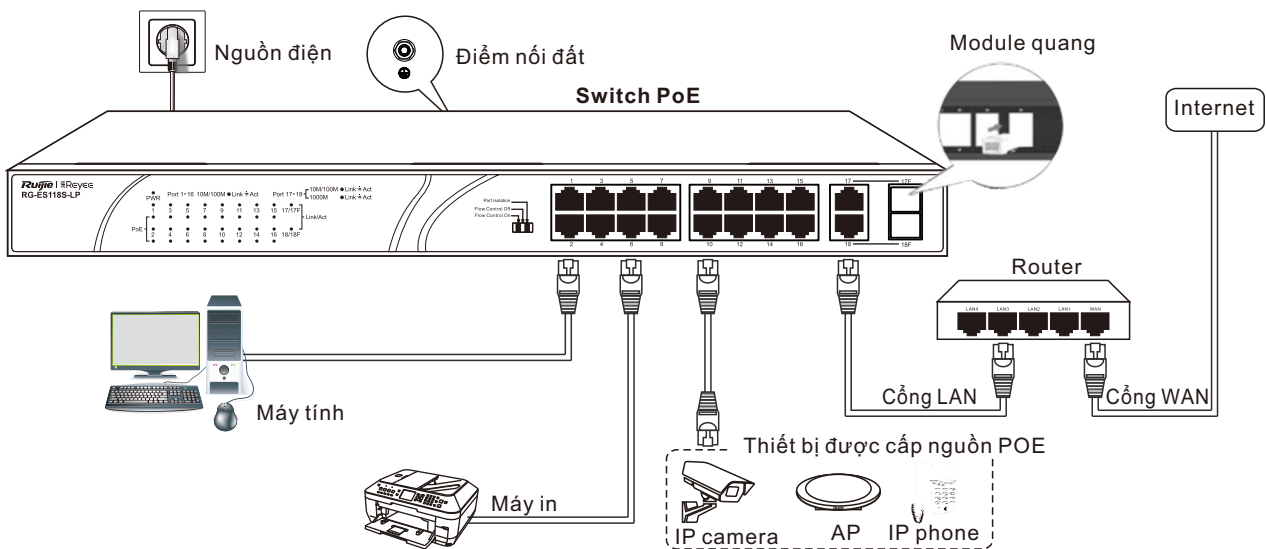
Switch RG-ES118S-LP đáp ứng các tiêu chuẩn EIA và có thể được lắp đặt trên rack 19 inch. Các bước lắp đặt như sau:

- ① Lấy ra hai giá lắp chữ L và tám vít đầu chìm.
- ② Đặt các giá lắp sát vào hai bên switch và cố định bằng bốn vít đầu chìm.



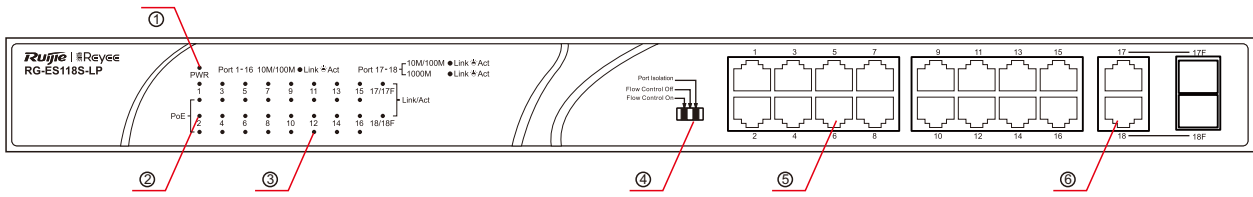
## Kết nối mạng

Tham khảo kịch bản để kết nối mạng dựa trên tình hình thực tế.



Kiểm tra kết nối thiết bị có chính xác không. Switch có thể hoạt động ngay sau khi kết nối thành công.

# Thông tin công



- |        |                                     |   |
|--------|-------------------------------------|---|
| Lưu ý: | 1. Đèn LED báo trạng thái hệ thống  | 5. Cổng Ethernet cảm biến tự động 10/100Base-TX |
|        | 2. Đèn LED báo trạng thái cổng đồng | 6. Cổng 10/100/1000Base-T combo                 |
|        | 3. Đèn LED trạng thái PoE           |   |
|        | 4. Nút chuyển chế độ cổng           |   |

# Thông số kỹ thuật

| Thông số kỹ thuật             |          | RG-ES118S-LP   |
|-------------------------------|----------|--|
| Tiêu chuẩn                    |          | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at           |
| Cổng                          |          | 16 cổng PoE/PoE+ 10/100 Mbps   |
|                               |          | 2 cổng 10/100/1000 Mbps combo  |
| Tốc độ chuyển mạch            |          | 7.2 Gbps   |
| Mức tiêu thụ điện             |          | Tổng công suất đầu ra tối đa của PoE/PoE+ là 120 W.<br>Tổng công suất tối đa là 148 W. |
| Kích thước (Dài x Rộng X Cao) |          | 440 mm x 208 mm x 44 mm  |
| Chế độ cổng                   |          | “Bật kiểm soát luồng”, “Tắt kiểm soát luồng” và “Cô lập cổng” từ trái sang phải        |
| Môi trường hoạt động          | Nhiệt độ | 0°C - 45°C   |
|                               | Độ ẩm    | 10% - 90% RH (độ ẩm tương đối), không ngưng tụ   |
| Môi trường bảo                | Nhiệt độ | -40°C - 70°C   |

|  |       |   |
|--|-------|---|
|  | Độ ẩm | 5% - 95% RH (độ ẩm tương đối), không ngưng tụ |
|--|-------|---|

**Khuyến cáo CE:**

Thiết bị này có thể gây nhiễu sóng vô tuyến khi hoạt động trong môi trường dân cư.



## Sebelum Anda Memulai

### Isi Paket

| No. | Nama                        | Jumlah | Satuan | Catatan |
|-----|-----------------------------|--------|--------|---------|
| 1   | Unit Perangkat RG-ES118S-LP | 1      | Set    |         |
| 2   | Bracket Pendukung           | 2      | Buah   |         |
| 3   | Bantalan kaki               | 4      | Buah   |         |
| 4   | Sekrup                      | 8      | Buah   |         |
| 5   | Kabel daya                  | 1      | Buah   |         |
| 6   | Buku Panduan                | 1      | Salin  |         |
| 7   | Kartu Garansi               | 1      | Salin  |         |

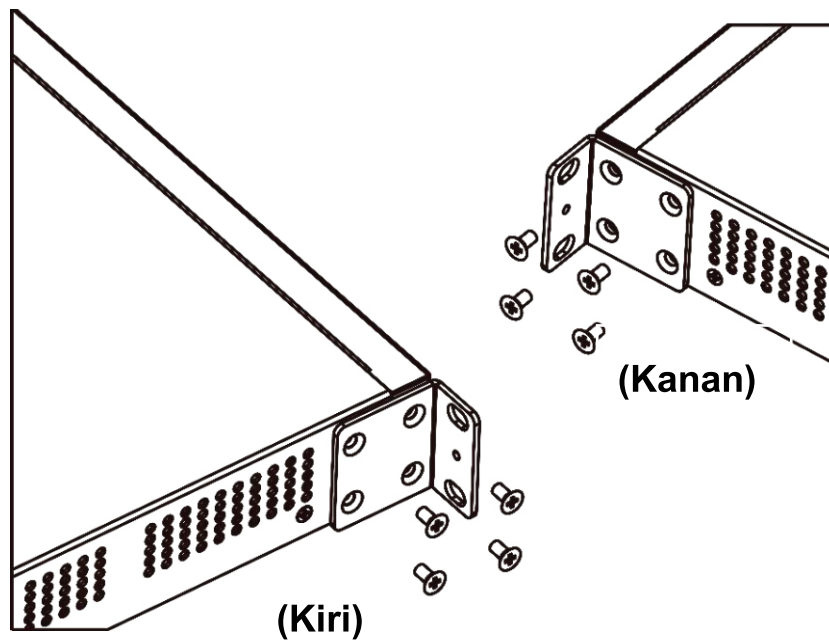
Anda bisa mendapatkan dokumen pendukung produk di halaman <https://www.ruijienetworks.com>. Klik Bantuan > Dokumen Teknis, dan unduh dokumen yang anda butuhkan.

## Instalasi dan Jaringan

Switch RG-ES118S-LP telah memenuhi standar EIA dan dapat dipasang pada rak 19-inci.

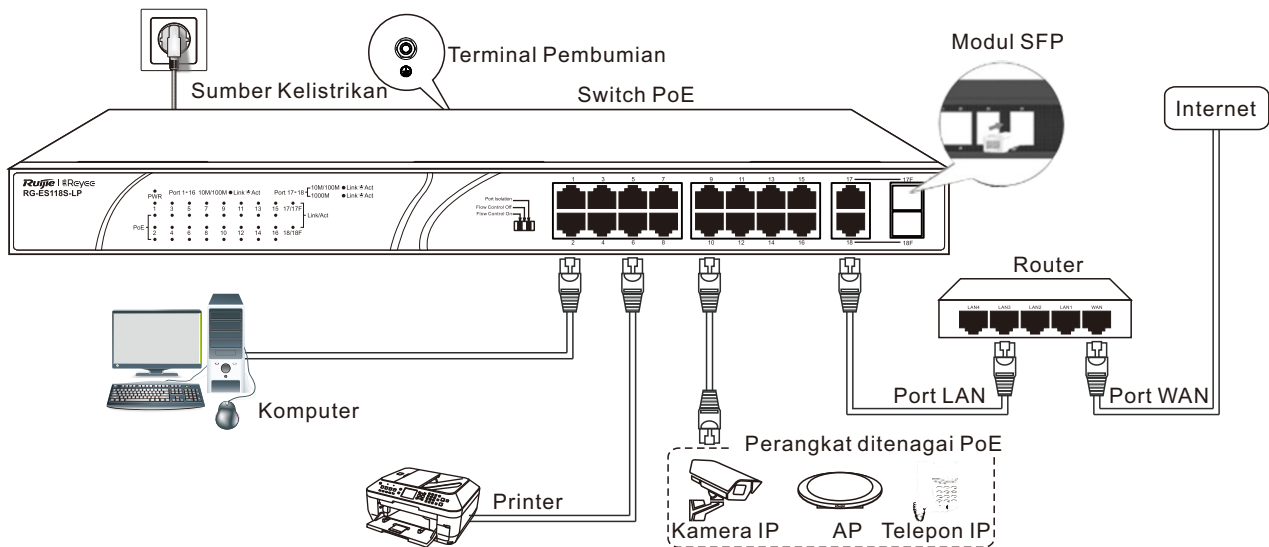
**Langkah pemasangan adalah sebagai berikut:**

- ① Ambil dua bracket pendukung berbentuk L dan delapan sekrup.
- ② Tempelkan bracket pendukung pada dua sisi switch dan kencangkan menggunakan empat sekrup.



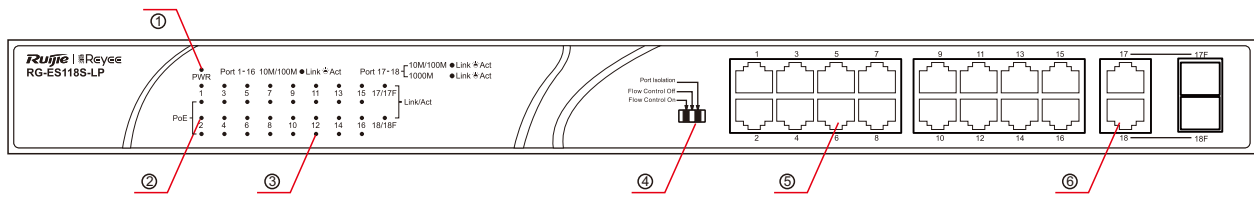
## Jaringan

Merujuk ke skenario berdasarkan kondisi aktual jaringan anda.



Periksa apakah perangkat sudah terhubung dengan benar *Switch* dapat langsung bekerja setelah terhubung dengan benar.

# Informasi Port



|          |                              |   |
|----------|------------------------------|---|
| Catatan: | 1. Status LED Sistem         | 5. Port Ethernet 10/100Base-TX deteksi otomatis |
|          | 2. LED status port tembaga   | 6. 10/100/1000Base-T combo port                 |
|          | 3. Status LED PoE            |   |
|          | 4. Tombol Pemindah Mode Port |   |

# Spesifikasi

| Spesifikasi           |      | RG-ES118S-LP  |
|-----------------------|------|---|
| Standar               |      | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                                |
| Port                  |      | 16 port PoE/PoE+ 10/100Mbps   |
|                       |      | 2 port combo 10/100/1000Mbps  |
| Kapasitas Switching   |      | 7.2Gbps   |
| Konsumsi Daya         |      | Keseluruhan keluaran daya maksimal PoE/PoE+ adalah 120W.<br>Keseluruhan keluaran daya maksimal adalah 148W. |
| Dimensi (P x L x T)   |      | 440mm x 208mm x 44mm  |
| Mode Port             |      | “Flow Control Hidup”, “Flow Control Mati” dan “Isolasi Port” dari kiri ke kanan.                            |
| Lingkungan Penggunaan | Suhu | 0 °C - 45 °C  |

|                        |            |                              |
|------------------------|------------|------------------------------|
|                        | Kelembaban | 10% - 90% RH, tidak berembun |
| Lingkungan Penyimpanan | Suhu       | -40 °C - 70 °C               |
|                        | Kelembaban | 5% - 95% RH, tidak berembun  |

**Peringatan CE:**

Penggunaan perangkat ini pada kawasan hunian dapat menyebabkan gangguan sinyal radio.

## До начала работы

### Комплектация

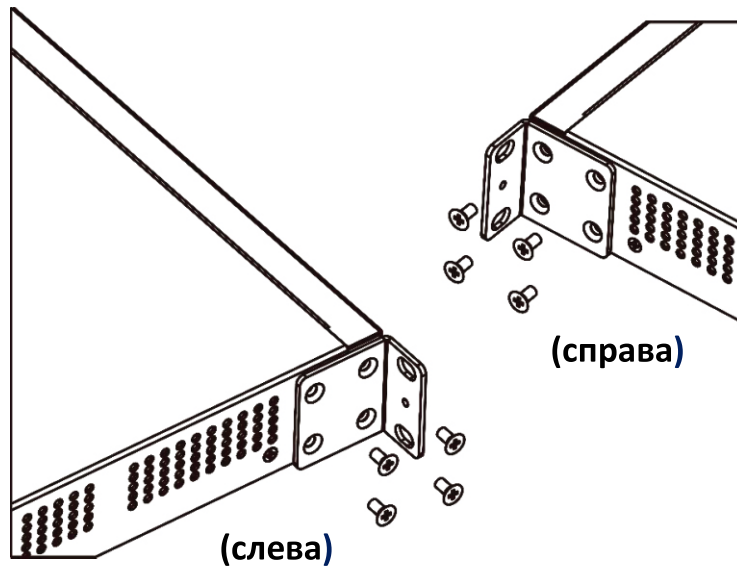
| п/п | Наименование                       | Количество | Единицы измерения | Примечание: |
|-----|------------------------------------|------------|-------------------|-------------|
| 1   | Коммутатор RG-ES118S-LP            | 1          | комплект          |             |
| 2   | Монтажный кронштейн                | 2          | шт.               |             |
| 3   | Мягкая ножка                       | 4          | шт.               |             |
| 4   | Винт                               | 8          | шт.               |             |
| 5   | Сетевой шнур                       | 1          | шт.               |             |
| 6   | Краткая инструкция по эксплуатации | 1          | экземпляр         |             |
| 7   | Гарантийный талон                  | 1          | экземпляр         |             |

Сопроводительную документацию по устройству можно получить на сайте <https://www.ruijienetworks.com>. Выберите Support (Поддержка) > Technical Documents (Техническая документация) и загрузите необходимые документы.

## Монтаж и создание конфигурации сети

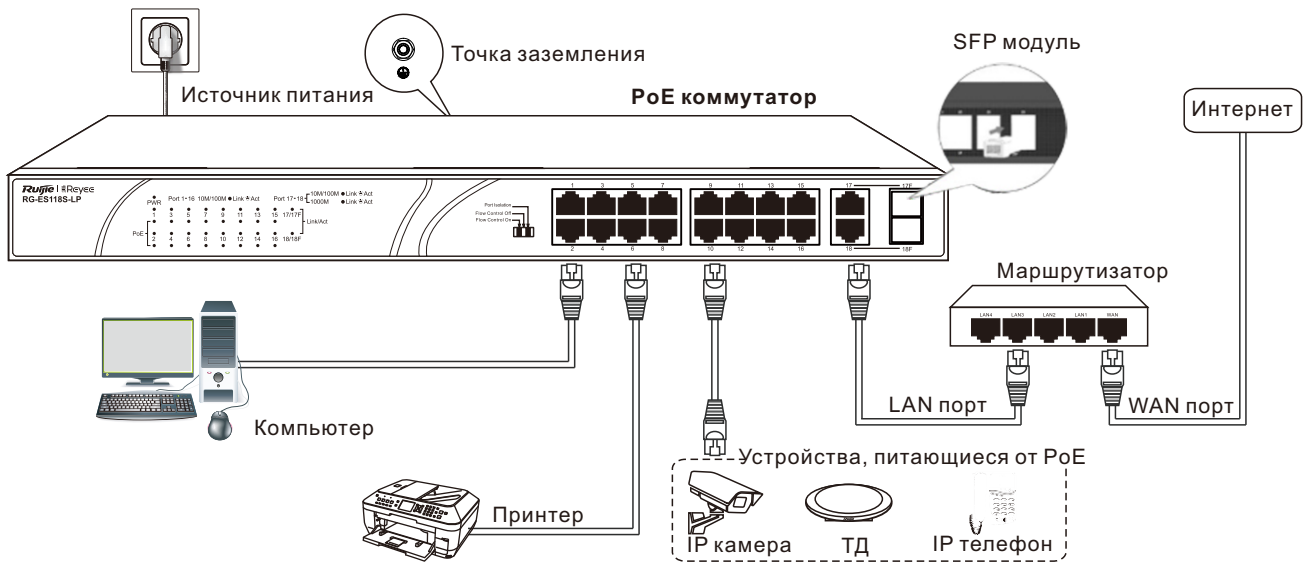
Коммутатор RG-ES118S-LP соответствует стандарту EIA и может быть установлен в 19-дюймовую стойку. Порядок монтажа:

- ① Возьмите 2 L-образных монтажных кронштейна и 8 винтов с потайной головкой.
- ② Закрепите монтажные кронштейны с обеих сторон коммутатора с помощью 4 винтов на каждый кронштейн.



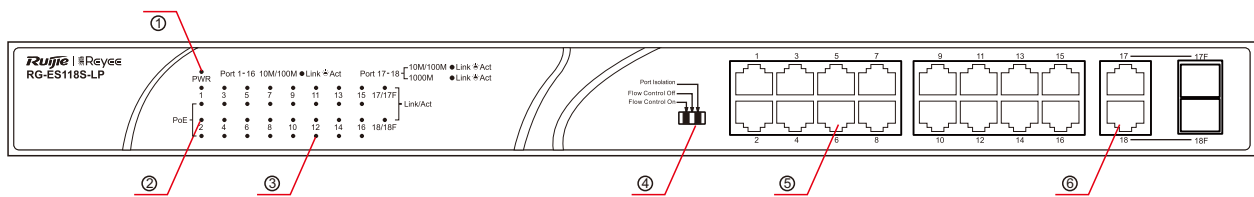
## Создание конфигурации сети

Обратитесь к сценарию для создания сети на основе вашей реальной ситуации.



Проверьте правильность подключения устройства. Коммутатор начнет работать сразу после правильного подключения.

## Порты



|             |   |  |
|-------------|---|--|
| Примечание: | 1 - Светодиодный индикатор статуса системы; | 5 - Порты Ethernet 10/100 Base-TX с автоопределением и поддержкой PoE; |
|             | 2 - Светодиодный индикатор состояния порта; | 6 - 10/100/1000Base-T комбо порт                                       |
|             | 3. Индикатор статуса PoE                    |  |
|             | 4. Переключатель режимов портов             |  |

## Характеристики

| Модель                 | RG-ES118S-LP  |
|------------------------|---|
| Поддержка стандартов   | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at  |
| Порты                  | 16 портов PoE/PoE+ 10/100 Мбит/с  |
|                        | 2*10/100/1000 мбит/с комбо порт   |
| Коммутационная ёмкость | 7.2 Гбит/с  |
| Энергопотребление      | Общая максимальная выходная мощность PoE/PoE+ составляет 120 Вт.<br>Общая максимальная выходная мощность составляет 148 Вт. |
| Размеры (Ш x Г x В)    | 440 мм x 208мм x 44 мм  |

|                      |             |   |
|----------------------|-------------|---|
| Режим порта          |             | “Управление потоком включено”, “Управление потоком выключено” и “Изоляция портов” слева направо |
| Условия эксплуатации | Температура | 0 °С - 45 °С  |
|                      | Влажность   | 10% - 90% относительной влажности, без конденсации  |
| Условия хранения     | Температура | -40 °С - 70 °С  |
|                      | Влажность   | 5% - 95% относительной влажности, без конденсации   |

**Предупреждение согласно требованиям Совета Европы:**  
 Эксплуатация данного устройства в жилых помещениях может вызвать радиопомехи.



## قائمة محتويات العبوة

| العنصر | الاسم               | الكمية | الوحدة | ملحوظة |
|--------|---------------------|--------|--------|--------|
| 1      | مضيف RG-ES118S-LP   | 1      | مجموعة |        |
| 2      | كثيفة التثبيت       | 2      | قطعة   |        |
| 3      | القاعدة السفلية     | 4      | قطعة   |        |
| 4      | برغي مقاس           | 8      | قطعة   |        |
| 5      | سلك الطاقة          | 1      | قطعة   |        |
| 6      | دليل التشغيل السريع | 1      | نسخة   |        |
| 7      | بطاقة الضمان        | 1      | نسخة   |        |

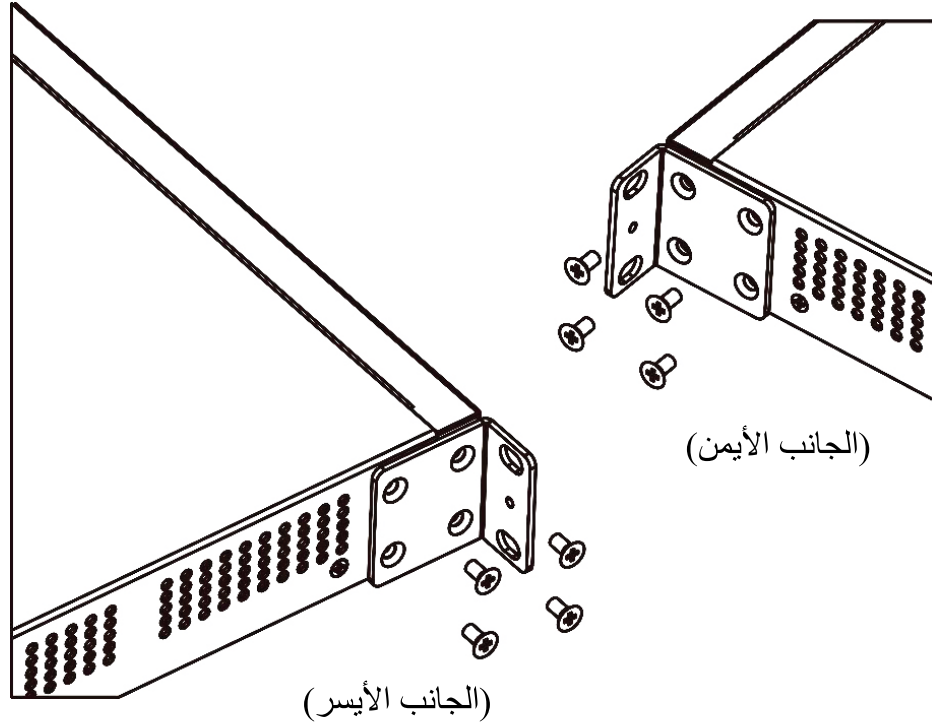
يُمكنك الحصول على مُستندات الدعم الخاصة بالمنتج على الرابط <https://www.ruijienetworks.com>. انقر فوق Support (الدعم) < Technical Documents (المستندات الفنية)، ثم نزل المُستندات التي تحتاج إليها.

## التركيب والربط بالشبكة

المبدّل RG-ES118S-LP مُطابق لمعايير تحالف الصناعات الإلكترونية (EIA) ويُمكن تركيبه على حامل مقاس 19 بوصة.

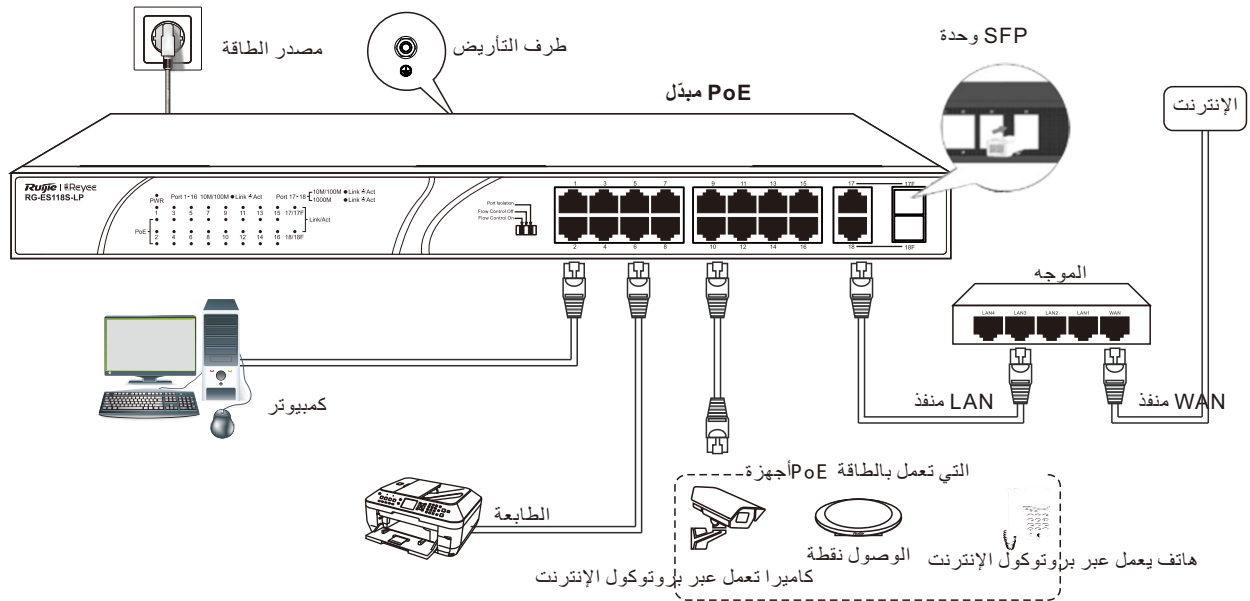
## خطوات التركيب كما يلي::

- ① جهّز كتيفتي تثبيت على شكل حرف L وثمانية براغي مخروطية برأس صليبية مسطح مقاس.
- ② ثبّت كتيفتي التثبيت على جانبي المبدّل بإحكام، باستخدام أربعة براغي مخروطية برأس صليبية مسطح مقاس.



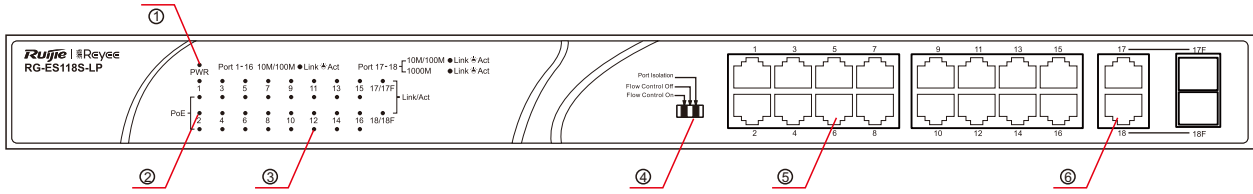
## الربط بالشبكة

راجع السيناريو لمعرفة كيفية الربط بالشبكة وفقاً للموقف الفعلي.



تحقق مما إذا كان اتصال الجهاز صحيحاً، ويمكن للمبدل أن يعمل بعد التوصيل الصحيح مباشرة.

## معلومات المنفذ



5. منفذ الإيثرنت ذاتي الاستشعار وفق المعيار Base-TX بسرعة 10/100 ميجابت/ثانية

6. منفذ مشترك وفق المعيار Base-T 10/100/1000

ملاحظة:

1. مؤشر LED لبيان حالة النظام

2. مؤشر LED لبيان حالة المنفذ النحاسي

3. مؤشر LED لبيان حالة PoE

4. زر تبديل وضع المنفذ

## المواصفات

| المواصفات   |                                    |
|---|------------------------------------|
| IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at | المعيار                            |
| عدد 16 منافذ PoE/PoE+ بسرعة 10/100 ميجابت/ثانية                               | الواجهة                            |
| عدد 2 منفذ مشترك بسرعة ميجابت/ثانية 10/100/1000                               | سعة التبديل                        |
| 7.2 جيجابت/ثانية  | استهلاك الطاقة                     |
| الحد الأقصى الإجمالي لطاقة خرج منفذ PoE/PoE+ هو 120 واط.                      | الأبعاد (العرض × العمق × الارتفاع) |
| الحد الأقصى الإجمالي لطاقة الخرج هو 148 واط.                                  |                                    |
| 440 مم × 208 مم × 44 مم   | وضع المنفذ                         |
| "تشغيل التحكم بالتدفق"، "إيقاف التحكم بالتدفق" و"عزل المنفذ" من اليسار لليمين | بيئة التشغيل                       |
| من 0 إلى 45 درجة مئوية  | درجة الحرارة                       |
| من 10% إلى 90% رطوبة نسبية، بدون تكثيف  | الرطوبة                            |
| من 40- إلى 70 درجة مئوية  | درجة الحرارة                       |
|   | بيئة التخزين                       |

|         |                                       |
|---------|---------------------------------------|
| الرطوبة | من 5% إلى 95% رطوبة نسبية، بدون تكثيف |
|---------|---------------------------------------|

### تحذير CE:

قد يتسبب تشغيل هذا الجهاز داخل المساكن في التشويش على إشارة الراديو.

## Erste Schritte

### Packliste

| Artikel | Name                       | Menge | Einheit | Bemerkung |
|---------|----------------------------|-------|---------|-----------|
| 1       | RG-ES118S-LP Host          | 1     | Gerät   |           |
| 2       | Montagehalterung           | 2     | Stück   |           |
| 3       | Fußpolster                 | 4     | Stück   |           |
| 4       | Schraube                   | 8     | Stück   |           |
| 5       | Netzkabel                  | 1     | Stück   |           |
| 6       | Halteklammer für Netzkabel | 1     | Stück   |           |
| 7       | Kurzanleitung              | 1     | Kopie   |           |
| 8       | Garantiekarte              | 1     | Kopie   |           |

Produktbegleitende Dokumente können Sie abrufen unter <https://www.ruijienetworks.com>. Klicken Sie auf Support > Technische Dokumente und laden Sie die gewünschten Dokumente herunter.

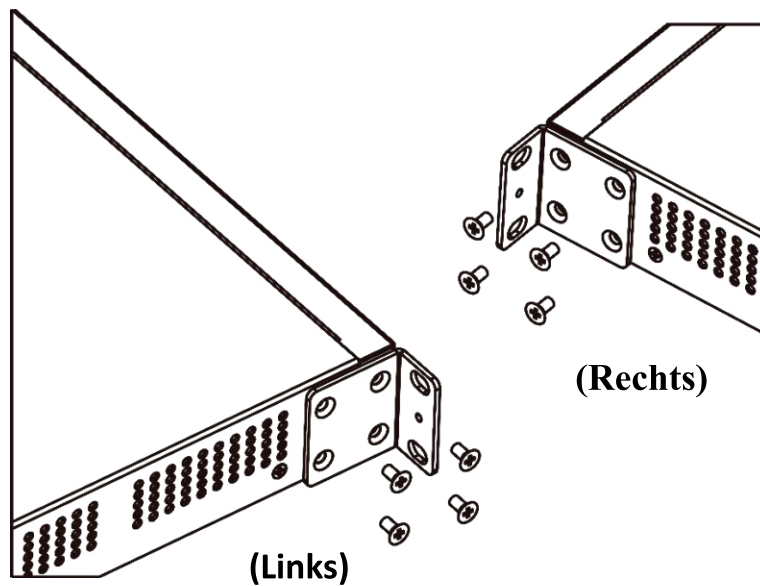
## Installation und Vernetzung

Deutsch

Der RG-ES118S-LP Switch erfüllt die EIA-Normen und kann in ein 19-Zoll-Rack eingebaut werden.

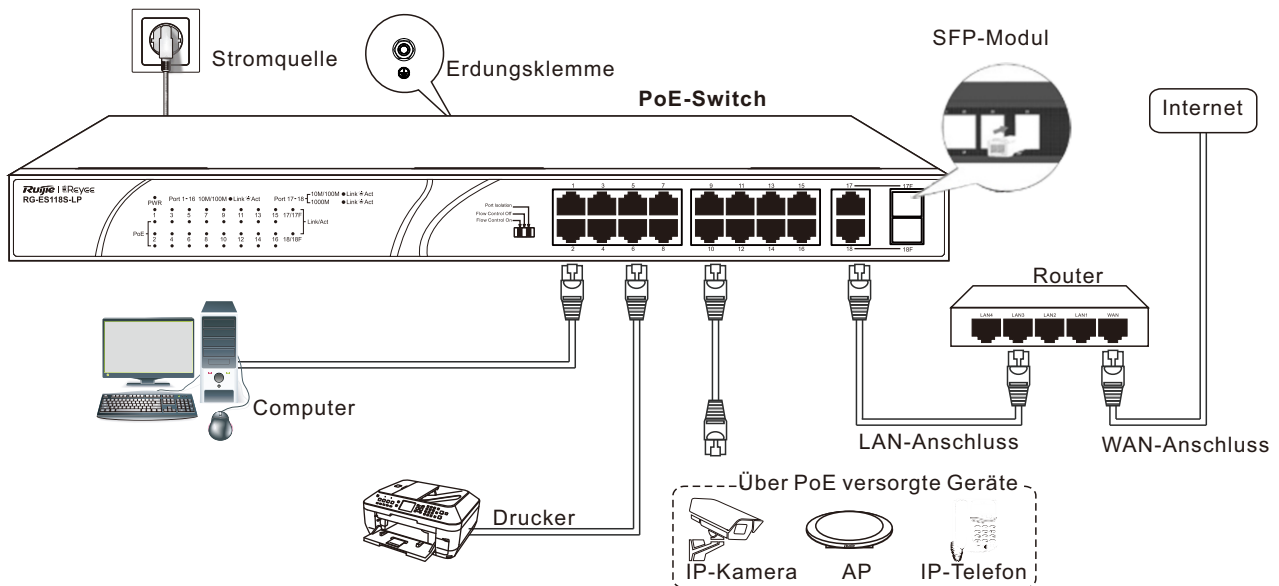
### Die Installationsschritte sind wie folgt:

- ① Entnehmen Sie zwei L-förmige Montagewinkel und acht Senkkopfschrauben.
- ② Bringen Sie die Montagehalterungen an beiden Seiten des Switchs fest an und befestigen Sie sie mit vier Senkkopfschrauben.



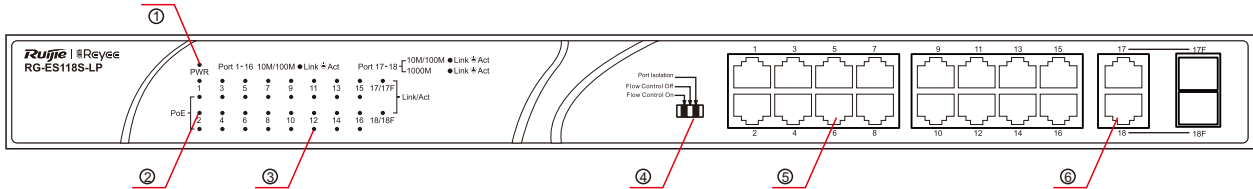
## Vernetzung

Nutzen Sie Szenario für die Vernetzung auf Grundlage Ihrer tatsächlichen Situation.



Prüfen Sie, ob der Geräteanschluss korrekt ist. Der Switch kann sofort nach dem korrekten Anschluss in Betrieb genommen werden.

## Informationen zum Anschluss



|          |   |  |
|----------|---|--|
| Hinweis: | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Systemstatus-LED</li> <li>2. Kupferkabelanschluss Status-LED</li> <li>3. PoE-Status-LED</li> <li>4. Umschalttaste für Anschlussmodus</li> </ol> | <ol style="list-style-type: none"> <li>5. 10/100Base-TX-Ethernet-Anschluss mit automatischer Erkennung</li> <li>6. 10/100/1000 Base-T Kombi-Anschluss</li> </ol> |
|----------|---|--|

## Spezifikatione

| Spezifikationen         | RG-ES118S-LP  |
|-------------------------|---|
| Standard                | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at  |
| Schnittstelle           | 16*10/100 Mb/s<br>PoE/PoE+-Anschlüsse   |
|                         | 2*10/100/1000 Mb/s<br>Kombi-Anschluss   |
| Schaltkapazität         | 7.2Gbps   |
| Leistungsaufnahme       | Die maximale Gesamtausgangsleistung von PoE/PoE+ beträgt 120 W.<br>Die maximale Gesamtausgangsleistung beträgt 148 W. |
| Abmessungen (B x T x H) | 440mm x 208mm x 44mm  |

|                  |                  |   |
|------------------|------------------|---|
| Anschlussmodus   |                  | "Durchflusskontrolle ein",<br>"Durchflusskontrolle aus" und<br>"Anschlussisolierung" von links<br>nach rechts |
| Nutzungsumgebung | Temperatur       | 0–45 °C   |
|                  | Luftfeuchtigkeit | 10–90 % RH, nicht<br>kondensierend  |
| Lagerumgebung    | Temperatur       | -40–70 °C   |
|                  | Luftfeuchtigkeit | 5–95 % RH, nicht kondensierend  |

**CE-Hinweis:**

Der Betrieb dieses Geräts in einer Wohnumgebung könnte Funkstörungen verursachen.



## Avant de commencer

### Liste de colisage

| Élément | Nom  | Quantité | Unité | Remarque |
|---------|--|----------|-------|----------|
| 1       | RG-ES118S-LP Hôte                          | 1        | Jeu   |          |
| 2       | Support de montage                         | 2        | Pièce |          |
| 3       | Pied                                       | 4        | Pièce |          |
| 4       | Vis  | 8        | Pièce |          |
| 5       | Cordon d'alimentation                      | 1        | Pièce |          |
| 6       | Pince de maintien du cordon d'alimentation | 1        | Pièce |          |
| 7       | Guide d'utilisation rapide                 | 1        | Copie |          |
| 8       | Carte de garantie                          | 1        | Copie |          |

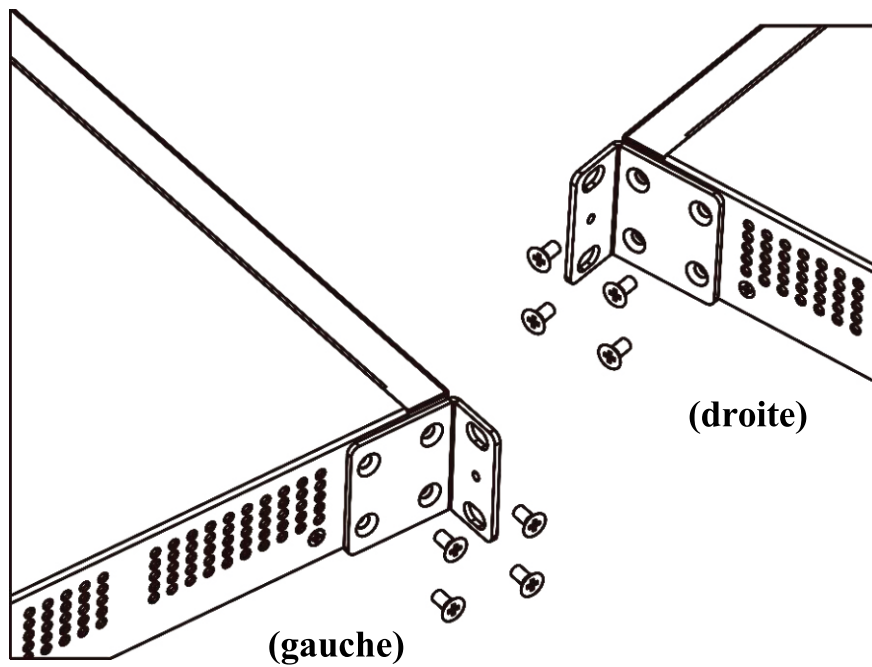
Vous pouvez récupérer tous les documents accompagnant les produits sur <https://www.ruijienetworks.com>. Cliquez sur Support > Documents techniques, et téléchargez les documents dont vous avez besoin.

## Installation et mise en réseau

Le commutateur RG-ES118S-LP répond aux exigences de la norme EIA et peut être monté dans un rack de 19 pouces

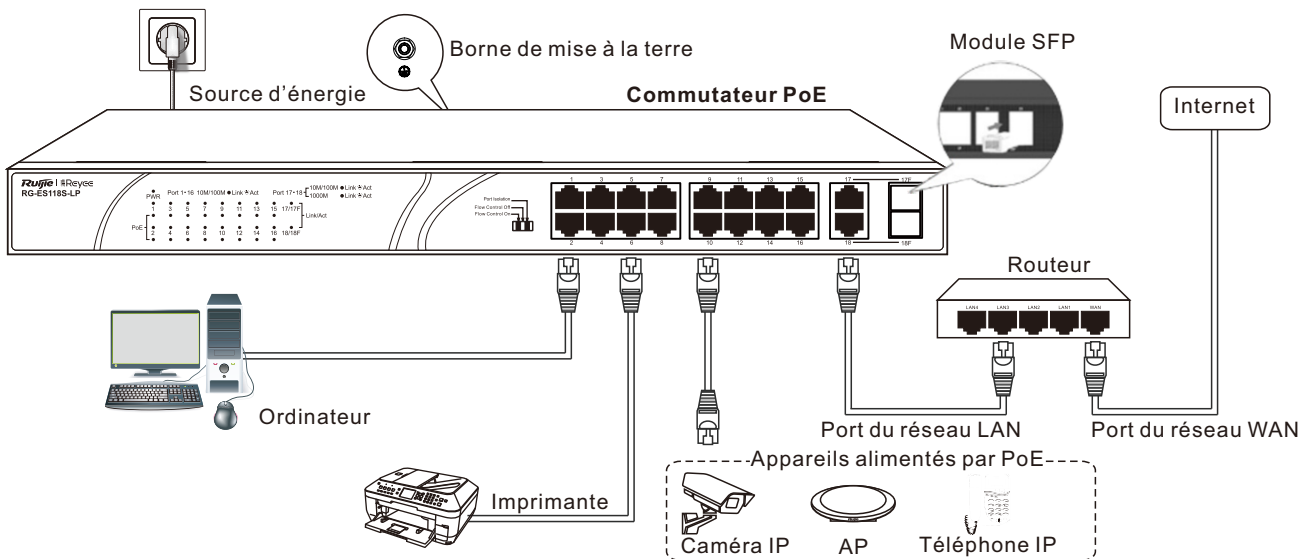
**Les étapes de l'installation sont les suivantes :**

- ① Sortez deux supports de montage en forme de L et huit vis à tête fraisée.
- ② Attachez fermement les supports de montage des deux côtés du commutateur et fixez celui-ci avec quatre vis à tête fraisée.



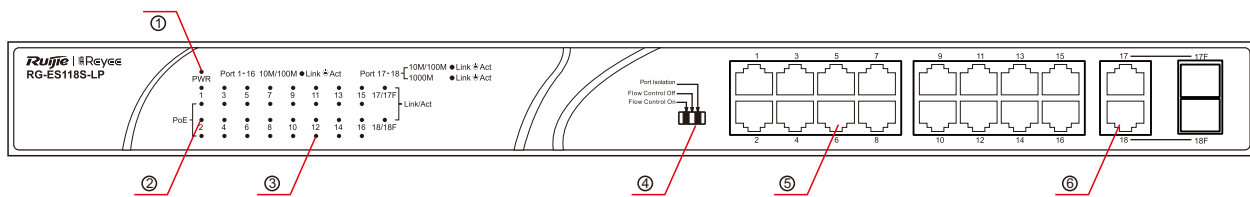
## Mise en réseau

Reportez-vous au scénario pour la mise en réseau en fonction de votre situation réelle.



Vérifiez si la connexion de l'appareil est correcte. Le commutateur peut fonctionner immédiatement après une connexion correcte.

## Informations sur le port



Remarque: 1. DEL d'état du système

2. DEL d'état du port en cuivre

3. DEL d'état PoE

4. Bouton de commutation du mode du port

5. Port Ethernet 10/100 Base-TX à détection automatique

6. Port combo 10/100/1000 Base-T

## Spécifications

| Spécifications               |             | RG-ES118S-LP  |
|------------------------------|-------------|---|
| Norme                        |             | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at  |
| Interface                    |             | 16 x Ports PoE/PoE +10/100 Mbps<br>2 x port combiné de 10/100/1000 Mbps   |
| Capacité de commutation      |             | 7.2Gbps   |
| Consommation d'énergie       |             | La puissance de sortie maximale globale du PoE/PoE+ est de 120 W. La puissance de sortie maximale globale est de 148 W. |
| Dimensions (l x P x H)       |             | 440 x 208 x 44 mm   |
| Mode du port                 |             | « Contrôle de flux activé », « Contrôle de flux désactivé » et « Isolation du port », de gauche à droite                |
| Environnement d'exploitation | Température | 0 à 45 °C   |
|                              | Humidité    | 10 à 90 % de HR, hors condensation  |

|                           |             |                                   |
|---------------------------|-------------|-----------------------------------|
| Environnement de stockage | Température | -40 à 70 °C                       |
|                           | Humidité    | 5 à 95 % de HR, hors condensation |

**Avertissement CE :**

L'utilisation de cet équipement dans un environnement résidentiel peut provoquer des interférences radio.

## Antes de empezar

### Lista de contenido

| Elemento | Nombre                | Cantidad | Unidad   | Observación |
|----------|-----------------------|----------|----------|-------------|
| 1        | Switch RG-ES118S-LP   | 1        | Conjunto |             |
| 2        | Soporte de montaje    | 2        | Pieza    |             |
| 3        | Soporte de base       | 4        | Pieza    |             |
| 4        | Tornillo              | 8        | Pieza    |             |
| 5        | Cable de alimentación | 1        | Pieza    |             |
| 6        | Guía de inicio rápido | 1        | Copia    |             |
| 7        | Tarjeta de garantía   | 1        | Copia    |             |

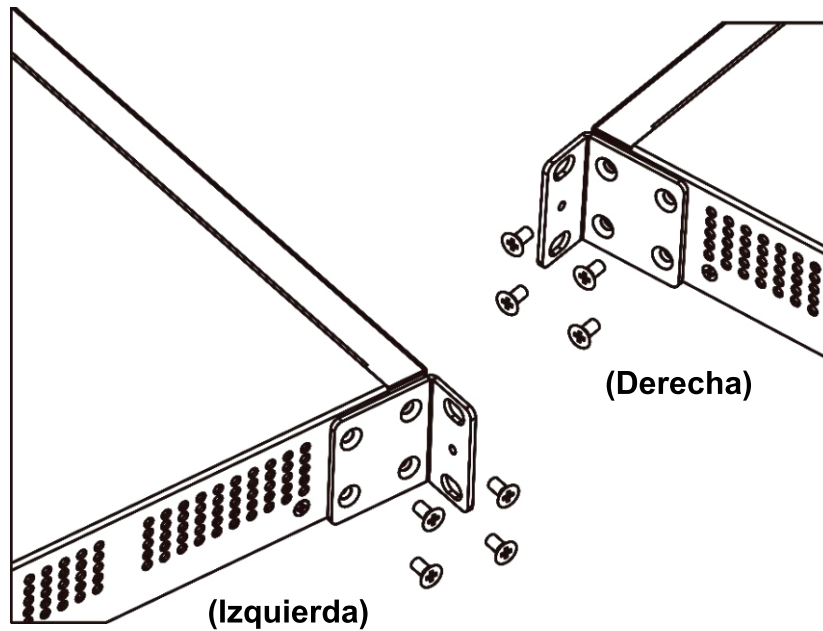
Puede obtener los documentos de soporte del producto en <https://www.ruijienetworks.com>. Haga clic en Soporte > Documentos técnicos y descargue los documentos que necesite.

## Instalación y redes

El conmutador RG-ES118S-LP cumple con las normas EIA y puede instalarse en un bastidor de 19 pulgadas (48,26cm)

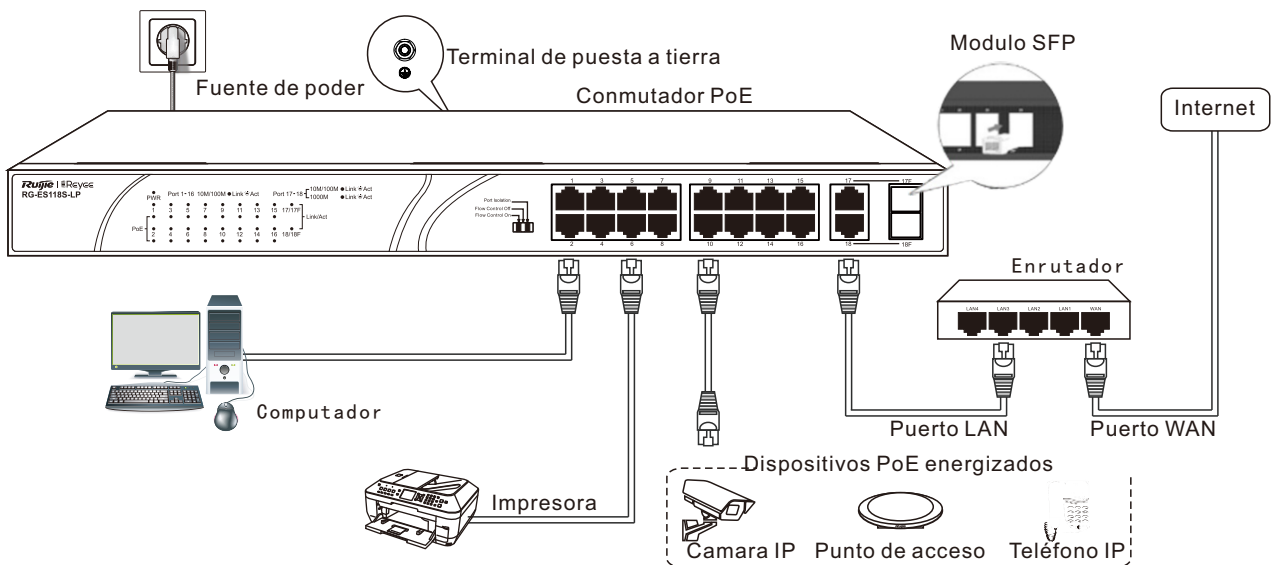
### Los pasos para la instalación son los siguientes:

- ① Saque dos soportes de montaje en forma de L y ocho tornillos de cabeza avellanada.
- ② Coloque los soportes de montaje a ambos lados del conmutador con cuidado y fíjelos con cuatro tornillos de cabeza avellanada.



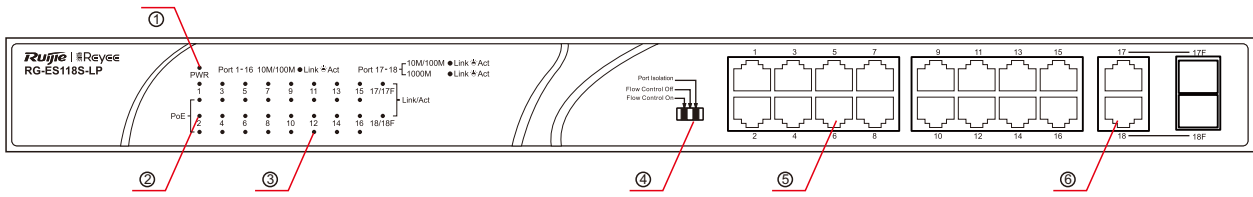
## Redes

Remítase al escenario para establecer una red en función de su situación concreta.



Compruebe si la conexión del dispositivo es correcta. El conmutador funcionará inmediatamente después de realizar una conexión correcta.

# Información del puerto



|       |   |  |
|-------|---|--|
| Nota: | <p>1. LED de estado del sistema</p> <p>2. LED de estado del puerto de cobre</p> <p>3. Indicador de estado PoE</p> <p>4. Botón de cambio para estado de puerto</p> | <p>5. Puerto Ethernet de detección automática 10/100Base-TX</p> <p>6. Puerto combo 10/100/1000Base-T</p> |
|-------|---|--|

# Especificaciones

| Especificaciones              | RG-ES118S-LP   |
|-------------------------------|--|
| Norma                         | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at                               |
| Interfaz                      | 16 Puertos PoE/PoE+ de 10/100 Mbps<br>2 Puerto de combo de 10/100/1000 Mbps                                |
| Capacidad de conmutación      | 7.2Gbps  |
| Consumo de energía            | La potencia máxima de salida total de PoE/PoE+ es de 120W. La potencia de salida máxima total es de 148 W. |
| Dimensiones (An. x Pr. x Al.) | 440mm x 208mm x 44mm   |

|                              |             |   |
|------------------------------|-------------|---|
| Modo de puerto               |             | Control de flujo activado",<br>"Control de flujo desactivado" y<br>"Aislamiento de puertos" de<br>izquierda a derecha |
| Entorno operativo            | Temperatura | Entre 0 °C y 45 °C.   |
|                              | Humedad     | Humedad relativa entre 10% y<br>90%, sin condensación   |
| Entorno de<br>almacenamiento | Temperatura | Entre -40 °C y 70 °C.   |
|                              | Humedad     | Humedad relativa entre 5% y<br>95%, sin condensación  |

### **Advertencia CE:**

El funcionamiento de este equipo en un entorno doméstico puede provocar interferencias de radio.



## Başlamadan Önce

### Paket İçeriği Listesi

| Öğe | Ad                       | Miktar | Birim | Notlar |
|-----|--------------------------|--------|-------|--------|
| 1   | RG-ES118S-LP host        | 1      | Set   |        |
| 2   | Bağlantı parçası         | 2      | Adet  |        |
| 3   | Ayak tamponu             | 4      | Adet  |        |
| 4   | Vida                     | 8      | Adet  |        |
| 5   | Güç kablosu              | 1      | Adet  |        |
| 6   | Hızlı Başlangıç Kılavuzu | 1      | Kopya |        |
| 7   | Garanti kartı            | 1      | Kopya |        |

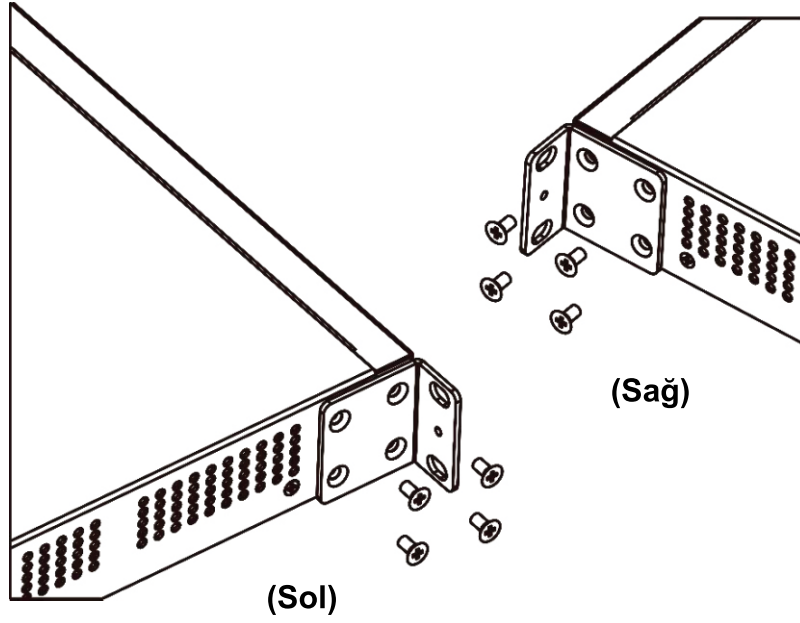
Ürün destekleyici dokümanlara <https://www.ruijienetworks.com> adresinden erişebilirsiniz. Support > Technical Documents (Destek > Teknik Dokümanlar) üzerine tıklayarak ihtiyacınız olan dokümanları karşıdan yükleyebilirsiniz.

## Kurulum ve Ağ Oluşturma

RG-ES118S-LP anahtarı, EIA standardını karşılamakta olup 19-inç çatı içerisine takılabilir.

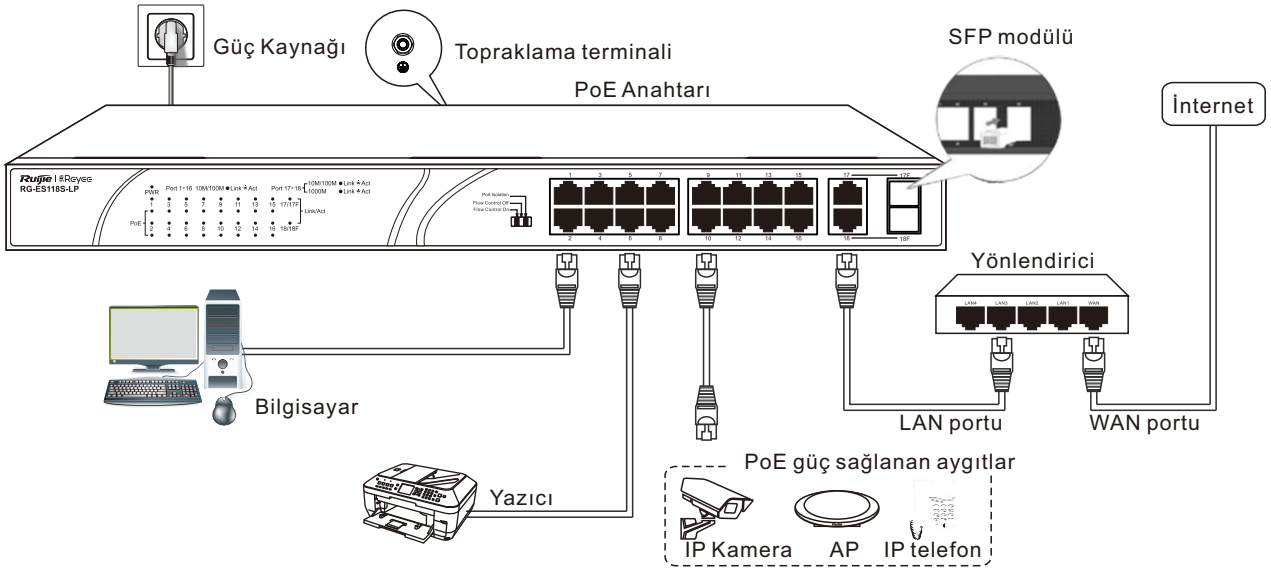
### Kurulum adımları aşağıdaki gibidir:

- ① İki adet L-tipi bağlantı parçasını ve sekiz adet havşa başlı vidayı paketten çıkartın
- ② adet havşa başlı vida ile sabitleyin.



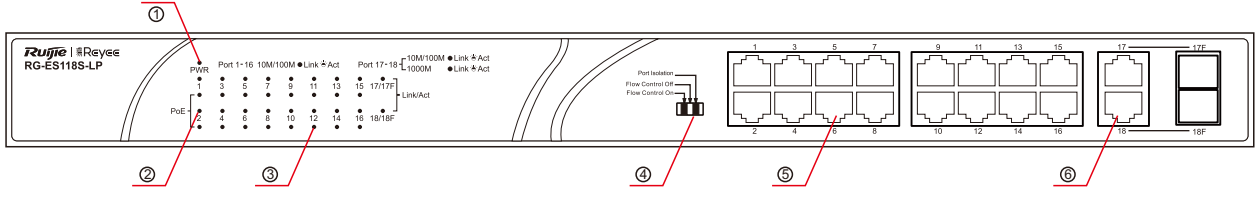
## Ağ oluşturma

Mevcut durumunuza uygun olarak ağ oluşturmak için senaryolarına başvurun.



Aygıt bağlantısının düzgün olup olmadığını kontrol edin. Anahtar düzgün bağlantı yapılır yapılmaz çalışabilir.

## Bağlantı Noktası (Port) Bilgileri



|      |  |   |
|------|--|---|
| Not: | 1. Sistem durum LED'i<br>2. Bakır port durumu LED'i<br>3. PoE durum LED'i<br>4. Port Modu değiştirme düğmesi | 5. 10/100Base-TX otomatik algılama Ethernet portu<br>6. 10/100/1000Base-T combo portu |
|------|--|---|

## Özellikler

| Özellikler                                 | RG-ES118S-LP  |                                   |
|--|---|-----------------------------------|
| Standart                                   | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at        |                                   |
| Arayüz                                     | 16*10/100 Mbps PoE/PoE+ portu<br>2*10/100/1000 Mbps combo portu                     |                                   |
| Anahtarlama Kapasitesi                     | 7.2Gbps   |                                   |
| Güç Tüketimi                               | PoE/PoE+ genel maksimum çıkış gücü 120W'dir.<br>Genel maksimum çıkış gücü 148W'dir. |                                   |
| Boyutlar (Genişlik x Derinlik x Yükseklik) | 440mm x 208mm x 44mm  |                                   |
| Port Modu                                  | Soldan sağa doğru "Akış Kontrolü Açık", "Akış Kontrolü Kapalı" ve "Port Yalıtımı"   |                                   |
| Çalışma Ortamı                             | Sıcaklık  | 0 °C - 45 °C                      |
|  | Nem   | %10 ila %90 Bağıl Nem, yoğuşmasız |
| Depolama Ortamı                            | Sıcaklık  | -40 °C - 70 °C                    |
|  | Nem   | %5 ila %95 Bağıl Nem, yoğuşmasız  |

**CE Uyarısı:**

Bu ekipmanın bir yerleşim bölgesinde çalıştırılması radyo girişimine neden olabilir.